

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HƯNG YÊN**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh;

Các Hội thẩm nhân dân: bà Vũ Thị Liên và bà Phạm Thị Hồng Thu.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 10/2019/TLST-KDTM ngày 11/7/2019, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Căn cứ vào sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa ngày 28 tháng 01 năm 2022, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, thụ lý số 09/2019/TLST- KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa các bên đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần C.

Địa chỉ: 108 đường T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Minh B - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Ngọc A - Giám đốc, ông Nguyễn Tuấn C - Phó giám đốc, ông Phạm Văn T - Phó giám đốc và ông Đinh Thái L- Trưởng phòng tổng hợp Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Hưng Yên.

*2. Bị đơn:* Bà Trần Thị K, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: thôn B, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Bùi Văn L, sinh năm 1976.

+ Bà Đoàn Thị Đ, sinh năm 1978.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Bùi Văn L: bà Đoàn Thị Đ, sinh năm 1978.

Đề đăng ký HKTT: Đường P, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Đề Nơi ở hiện nay: Chung cư T, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

**II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

+ Về khoản nợ gốc và các khoản nợ lãi: Căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số 301503238/2018 - HĐTDHM/NHCT342 ngày 11/01/2018, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C (dưới đây viết tắt là: Ngân hàng) và bà Trần Thị K, tính đến ngày 28/01/2022, bà K còn nợ chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay là 1.900.000.000 (*Một tỷ chín trăm triệu*) đồng và 1.420.826.714 (*Một tỷ bốn trăm hai mươi triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm mười bốn*) đồng các khoản tiền lãi, trong đó lãi trong hạn là 972.920.547 (*Chín trăm bảy mươi hai triệu chín trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi bảy*) đồng và lãi quá hạn là 447.906.167 (*Bốn trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm linh sáu nghìn một trăm sáu mươi bảy*) đồng. Ngân hàng và bà Trần Thị K thống nhất tổng số tiền bà K còn nợ chưa thanh toán cho Ngân hàng là 3.320.826.714 (*Ba tỷ ba trăm hai mươi triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm mười bốn*) đồng.

+ Về phương thức và thời hạn trả nợ: Ngân hàng và bà Trần Thị K thống nhất và thỏa thuận như sau: Ngày 23/02/2022, bà K phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng số tiền vay là 950.000.000 (*Chín trăm năm mươi triệu*) đồng. Ngày 31/3/2022, bà K tiếp tục phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ lại là 950.000.000 (*Chín trăm năm mươi triệu*) đồng và 1.420.826.714 (*Một tỷ bốn trăm hai mươi triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm mười bốn*) đồng nợ lãi, trong đó lãi trong hạn là 972.920.547 (*Chín trăm bảy mươi hai triệu chín trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi bảy*) đồng, lãi quá hạn là 447.906.167 (*Bốn trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm linh sáu nghìn một trăm sáu mươi bảy*) đồng và các khoản tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 28/01/2022 cho đến khi bà K thanh toán hết các khoản nợ trên, theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 301503238/2018 - HĐTDHM/NHCT342 ngày 11/01/2018, giữa Ngân hàng và bà Trần Thị K.

+ Về biện pháp xử lý tài sản bảo đảm:

Ngân hàng, bà Trần Thị K, ông Bùi Văn L và bà Bùi Thị Đ thống nhất và thỏa thuận như sau: Trường hợp bà K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng do vi phạm bất kỳ phương thức trả nợ, thời gian trả nợ nào như đã cam kết trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên và phát mại tài sản của ông Bùi Văn L và bà Đoàn Thị Đ đã thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 22 (địa chỉ: Số 65 đường H, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên), theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AI017055 do UBND

thành phố Hưng Yên cấp ngày 27/5/2009 mang tên ông Bùi Văn L và bà Đoàn Thị Đ để thu hồi các khoản nợ mà bà K chưa thanh toán trả nợ cho Ngân hàng theo đúng điều khoản được ghi trong Hợp đồng thế chấp bất động sản số 0101/2018/HĐTC ngày 10/01/2018, được ký kết giữa ông Bùi Văn L, bà Đoàn Thị Đ và Ngân hàng.

+ Về án phí: Ngân hàng và bà Trần Thị K, mỗi bên phải chịu 25.970.609 (*Hai mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi nghìn sáu trăm linh chín*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp là 57.489.000 (*Năm mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn*) đồng, hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí là 31.518.391 (*Ba mươi một triệu năm trăm mười tám nghìn ba trăm chín mươi một*) đồng, theo Biên lai thu số 0001613 ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động.

**III.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**IV.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (Phòng KTNV & THAHS);
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Oanh**